

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT TUYỂN MỜI, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
NĂM 2022**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu lao động qua đào tạo</b>	<b>Mục tiêu GD 2021-2025</b>	<b>Mục tiêu năm 2022</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số đào tạo, bồi dưỡng</b>	<b>58.000</b>	<b>11.240</b>	
1	Cao đẳng	6.450	1.150	
2	Trung cấp	16.570	2.700	
3	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	34.980	7.390	
<b>II</b>	<b>Chia theo từng huyện</b>	<b>58.000</b>	<b>11.240</b>	
<b>1</b>	<b>UBND thành phố Lào Cai</b>	<b>11.345</b>	<b>2.185</b>	
-	Cao đẳng	1.270	235	
-	Trung cấp	3.740	635	
-	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	6.335	1.315	
<b>2</b>	<b>UBND huyện Bát Xát</b>	<b>8.412</b>	<b>1.845</b>	
+	Cao đẳng	955	175	
+	Trung cấp	2.770	480	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	4.687	1.190	
<b>3</b>	<b>UBND huyện Bảo Thắng</b>	<b>7.472</b>	<b>1.445</b>	
+	Cao đẳng	945	170	
+	Trung cấp	2.705	475	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	3.822	800	
<b>4</b>	<b>UBND huyện Bảo Yên</b>	<b>6.128</b>	<b>1.155</b>	
+	Cao đẳng	680	120	
+	Trung cấp	1.835	300	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	3.613	735	
<b>5</b>	<b>UBND huyện Văn Bàn</b>	<b>6.154</b>	<b>1.165</b>	
+	Cao đẳng	670	120	
+	Trung cấp	1.325	205	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	4.159	840	
<b>6</b>	<b>UBND Thị xã Sa Pa</b>	<b>5.608</b>	<b>1.050</b>	
+	Cao đẳng	670	120	
+	Trung cấp	1.330	200	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	3.608	730	
<b>7</b>	<b>UBND huyện Bắc Hà</b>	<b>4.856</b>	<b>915</b>	
+	Cao đẳng	420	70	
+	Trung cấp	985	145	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	3.451	700	
<b>8</b>	<b>UBND huyện SiMaCai</b>	<b>3.755</b>	<b>685</b>	
+	Cao đẳng	420	70	
+	Trung cấp	870	115	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	2.465	500	
<b>9</b>	<b>UBND huyện Mường Khương</b>	<b>4.269</b>	<b>795</b>	
+	Cao đẳng	420	70	
+	Trung cấp	1.010	145	
+	Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	2.839	580	